HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Số: 650A/QĐ-HVPNVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật, Mã số: 7380101

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1558/QĐ-TTg ngày 18/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định số 516/QĐ-HVPNVN ngày 02/8/2021 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam;

Căn cứ biên bản góp ý, thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 27 tháng 8 năm 2021, Hội đồng thẩm định ngày 24/9/2021;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Mục tiêu đào tạo và Chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật *(có văn bản chi tiết kèm theo)*;

Điều 2: Phòng Đào tạo, Khoa Luật và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể khoá tuyển sinh năm học 2021-2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Website Học viện;
- Lưu ĐT, VT.

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

PGS, TS. Trần Quang Tiến

HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
HỌC VIỆN PHỤ NỮ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT

(Ban hành theo Quyết định số 650A/ QĐ-HVPNVN ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Giám đốc Học viện Phụ nữ Việt Nam)

1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo

- Tên, mã số ngành đào tạo:
  + Tên tiếng Việt: Luật
  + Tên tiếng Anh: Law
  + Mã số ngành đào tạo: 7380101
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Thời gian đào tạo: 3,5 năm, tốt nghiệp sớm: 3 năm (nếu có), thời gian tối đa hoàn thành chương trình: 6 năm.
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Văn bằng tốt nghiệp: Bằng cử nhân
- Đơn vị đào tạo và cấp bằng: Học viện Phụ nữ Việt Nam

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo ngành Luật (Chương trình đào tạo) có mục tiêu chung là đạo tạo người học có đầy đủ các năng lực theo Khung năng lực trình độ quốc gia Việt Nam (ban hành kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ) gắn với đặc thù của ngành Luật và phù hợp, gắn kết với sứ mệnh, tầm nhìn và định hướng phát triển của Học viện Phụ nữ Việt Nam với khẳng định phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục đại học "định hướng ứng dụng". Thông qua việc trang bị toàn diện về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, chương trình đào tạo hướng tới hình thành, củng cố và phát triển khả năng nghề nghiệp hành nghề Luật cho người học, đáp ứng nhu cầu của giới tuyển dụng và các bên liên quan có nhu cầu tuyển dụng cử nhân luật. Đặc biệt, để phù hợp với đặc thù của Học viện phụ nữ Việt Nam, chương trình đào tạo cũng trang bị cho người học có hiểu biết cơ bản toàn diện và sâu

sắc về vấn đề giới, bình đẳng giới, thông qua đó áp dụng trong thực tế cuộc sống cũng như trong quá trình hoạt động nghề nghiệp trong tương lai.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo đảm bảo trang bị cho người học có đầy đủ về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm gắn với ngành Luật và đặc thù về giới của Học viện Phụ nữ Việt Nam. Cụ thể:

1) Về kiến thức:

Trang bị cho người học có kiến thức một cách hệ thống về các khối kiến thức gồm: Khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Đảm bảo người học có kiến thức thực tế vững chắc; kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành Luật; có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị; có hiểu biết cơ bản toàn diện và sâu sắc về vấn đề giới, bình đẳng giới.

2) Về kỹ năng:

Trang bị cho người học có kỹ năng nhận thức liên quan đến phản biện, phân tích, tổng hợp các vấn đề chính trị, pháp luật; kỹ năng thực hành nghề Luật; kỹ năng giao tiếp ứng xử cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ phức tạp; kỹ năng vận động, tham gia giám sát, phản biện, xây dựng luật pháp, chính sách đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và phát triển nghề Luật trong tương lai, đổi mới, sáng tạo và học tập suốt đời.

3) Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

Trang bị cho người học năng lực làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; sẵn sàng chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với nhóm trong việc hướng dẫn, truyền bá, phổ biến kiến thức ngành Luật và giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ; làm định hình và phát triển phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội; biết cách vận dụng phù hợp các nguyên tắc của đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện vai trò và nhiệm vụ, chủ động, tự tin, mạnh dạn bày tỏ quan điểm, chính kiến của bản thân; có trách nhiệm với xã hội; có quan điểm đúng đắn về giới và bình đẳng giới.

3. Chuẩn đầu ra

3.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức (KT)

- KT1: Phân tích và tóm tắt những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước; xác định được các vấn đề chính trị, xã hội, an ninh - quốc phòng phù hợp với đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan hoạt động của ngành Luật;

- KT2: Nhận biết, phân tích được những kiến thức lý luận chung về nhà nước và pháp luật; nhận biết, phân tích, bình luận, đánh giá các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; đối tượng, phương pháp điều chỉnh và nội dung cụ thể cơ bản và quan trọng của các chế định trong các ngành luật như Hiến pháp, Hành chính, Tố tụng hành chính, Hình sự, Tố tụng hình sự, Dân sự, Tố tụng dân sự, Kinh tế, Lao động, Đất đai, Hôn nhân và gia đình...;

- KT3: Nhận biết, phân tích, bình luận, đánh giá được việc thực hiện pháp luật một trong các lĩnh vực chuyên sâu thuộc lĩnh vực hành chính hoặc dân sự bao gồm: thanh tra, giải quyết khiếu nại và tố cáo, công chứng và chứng thực, công chức, công vụ cũng như các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước ở một số lĩnh vực cụ thể; hợp đồng dân sự, giao dịch bảo đảm, thủ tục giải quyết việc dân sự, thi hành án dân sự và các vấn đề liên quan đến thúc đẩy bình đẳng giới, giám sát và phản biện các vấn đề xã hội có liên quan đến gia đình, phụ nữ, trẻ em;

3.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng (KN)

- KN1: Giải quyết được các vấn đề/tình huống trong thực tiễn cuộc sống và công việc theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; có khả năng vận dụng thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và các phương pháp nghiên cứu vào nghiên cứu khoa học phục vụ cho nghề Luật;

- KN2: Áp dụng các kỹ năng tư duy pháp lý như: tiếp cận vấn đề, nắm bắt nhu cầu pháp luật cần giải quyết, phân tích và tổng hợp thông tin, đánh giá chứng cứ, nhận định đúng sai theo quy định của pháp luật để thực hành hoạt động nghề Luật;

- KN3: Tổ chức thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn, trực tiếp hoặc đề xuất hướng giải quyết đối với lĩnh vực chuyên môn chuyên sâu như: thanh tra, giải quyết khiếu nại và tố cáo; công chứng và chứng thực, công chức, công vụ cũng như các vấn đề về quản lý hành chính nhà nước; hợp đồng dân sự, giao dịch bảo đảm, thủ tục giải quyết việc dân sự, thi hành án dân sự ...;

- KN4: Thực hiện hiệu quả các kỹ năng giám sát, phản biện xã hội, tham gia hoạch định, triển khai thực thi, giám sát, đánh giá các quy định của pháp luật trong quản lý nhà

nước về các lĩnh vực dân sự, kinh tế, hành chính, hình sự và các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới, các vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em;

- KN5: Áp dụng các kỹ năng tư vấn, giải quyết các khiếu nại, tranh chấp, tham gia hoạt động tranh tụng ở mức độ phù hợp đối với các vấn đề pháp lý về quản lý hành chính, hình sự, dân sự, kinh tế, hôn nhân gia đình, đất đai…;

- KN6: Thực hiện tốt việc tra cứu, cập nhật, phân loại các văn bản pháp luật; kỹ năng soạn thảo các loại văn bản như các loại hợp đồng, quy chế, quy định ... phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp ...; Thực hiện tốt việc giao tiếp, lập kế hoạch và quản lý thời gian để thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp. Có khả năng thuyết trình, tuyên truyền, giới thiệu, phổ biến văn bản pháp luật cho các bên liên quan. Thực hiện tốt đọc - hiểu, phân tích, tổng hợp và viết tóm tắt các tài liệu khoa học, viết báo cáo khoa học và đánh giá nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực luật pháp.

3.3. Chuẩn đầu ra về năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm (TC)

- TC1: Có thái độ chính trị lập trường đúng đắn, có niềm tin vào chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; hình thành bản lĩnh chính trị và phẩm chất đạo đức cách mạng, phấn đấu trở thành người công dân tốt; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc;

- TC2: Chủ động, tích cực học hỏi nhằm củng cố, bổ sung, cập nhật thông tin, kiến thức mới để phục vụ nghề nghiệp hoặc học tập ở trình độ cao hơn, chuyên sâu hơn; làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; chịu trách nhiệm về các công việc được giao; tuân thủ các giá trị, tiêu chuẩn đạo đức thực hành nghề Luật trong quá trình tác nghiệp. Chủ động vận dụng kiến thức, kỹ năng về giới và bình đẳng giới trong quá trình giám sát, phản biện về các vấn đề có liên quan trong đời sống xã hội và nghề nghiệp.

3.4. Chuẩn đầu ra về năng lực ngoại ngữ

- NN1: Sử dụng được Tiếng Anh giao tiếp ở trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v…; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen

thuộc hoặc cá nhân quan tâm; có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình; có thể đọc, hiểu các tài liệu, văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ năng lực Tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam:

Khung NLNN	IELTS	TOEFL Paper/Internet	TOEIC	Cambridge ESOL Exams	Chứng nhận của HVPNVN
Bậc 3	4.5	450/31	450	PET (Pass)	50

3.5. Chuẩn đầu ra về năng lực tin học (IT)

- IT1: Có khả năng hiểu biết tổng quan về hệ thống máy tính, tổ chức dữ liệu, các tài nguyên và mạng máy tính. Thành thạo các kỹ năng sử dụng một số phần mềm văn phòng, khai thác ứng dụng tài nguyên, dịch vụ mạng internet theo Thông tư số 03/2014/TT-BGDĐT ngày 11/3/2014 hoặc tương đương với chứng chỉ do Học viện Phụ nữ Việt nam tổ chức để phục vụ cho việc xét tốt nghiệp.

4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể đảm nhận vị trí việc làm trong cơ quan nhà nước; tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp; các tổ chức ngoài nhà nước (tổ chức trọng tài, dịch vụ pháp lý, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế khác nhau) có nhu cầu sử dụng người có trình độ đại học Luật. Cụ thể:

- Đối với cơ quan nhà nước: Là cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương như hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp), cơ quan giúp việc Chủ tịch nước, hệ thống cơ quan hành chính nhà nước (Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ như Văn phòng Chính phủ, cơ quan Công an, Thuế, Hải quan, Kiểm lâm, Biên phòng, quản lý xuất nhập cảnh, cơ quan Thanh tra các cấp ... và Ủy ban nhân dân các cấp), hệ thống cơ quan xét xử, thi hành án (Tòa án nhân dân các cấp, cơ quan thi hành án các cấp), hệ thống cơ quan kiểm sát (Viện kiểm sát nhân các cấp).

- Đối với tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp: Là cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức, cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng

cộng sản Việt Nam, của các tổ chức chính trị - xã hội (Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam, Hội Cựu chiến binh, Hội nông dân, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh) và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

- Đối với các tổ chức ngoài nhà nước: Là chuyên viên pháp chế, chuyên viên tư vấn pháp lý, hành chính văn phòng, tổ chức nhân sự… tại các tổ chức tư vấn và dịch vụ pháp lý như tổ chức trọng tài, văn phòng luật sư, văn phòng công chứng, văn phòng thừa phát lại, các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ...

- Ngoài ra, sau khi tốt nghiệp người học có thể lựa chọn việc học lên trình độ cao hơn (thạc sỹ, tiến sỹ) để mở rộng cơ hội tìm kiếm việc làm, phát triển nghề nghiệp, trở thành giảng viên, nghiên cứu viên tại các cơ sở đào tạo, viện nghiên cứu công lập hoặc ngoài công lập hay tham gia học tập các khóa học phù hợp để đảm nhận các chức danh bổ trợ tư pháp để hành nghề độc lập hoặc trong tổ chức nghề nghiệp như luật sư, công chứng viên, đấu giá viên, giám định viên, trọng tài viên.

5. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

5. 1. Ma trận đóng góp của Chuẩn đầu ra vào đạt được Mục tiêu Chương trình đào tạo

STT	Mã CĐR	Mục tiêu 1	Mục tiêu 2	Mục tiêu 3
1.	KT1	3	0	1
2.	KT2	3	0	1
3.	KT3	2	0	1
4.	KT4	2	0	1
5.	KN1	0	2	2
6.	KN2	0	3	2
7.	KN3	0	3	2
8.	KN4	0	2	2
9.	KN5	0	2	2
10.	KN6	0	2	2
11.	KN7	0	2	2
12.	KN8	0	2	2
13.	TC1	0	0	3
14.	TC2	0	0	3
15.	NN1	0	2	2
16.	IT1	0	2	2

Ghi chú: 0: không có đóng góp; 1: đóng góp thấp; 2: đóng góp trung bình; 3: đóng góp cao

5.2. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra
(Xem Phụ lục kèm theo)

6. Kế hoạch và cam kết thực hiện Chuẩn đầu ra

6.1. Kế hoạch thực hiện để đạt chuẩn đầu ra:

Để đạt được chuẩn đầu ra trên đây, Học viện xây dựng một số giải pháp chủ yếu thực hiện như sau:

- Tổ chức xây dựng chương trình dạy học đáp ứng chuẩn đầu ra; thường xuyên cập nhật, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của bối cảnh hội nhập quốc tế, của thị trường và nhà tuyển dụng lao động.

- Tổ chức đào tạo, đánh giá kết quả người học và các hoạt động đảm bảo chất lượng một cách nghiêm túc, đúng quy định;

- Đào tạo, tuyển dụng đội ngũ giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng đảm bảo đáp ứng yêu cầu về số lượng và chất lượng.

- Đảm bảo có đầy đủ thiết bị, phương tiện phục vụ đổi mới phương pháp giảng dạy và nâng cao chất lượng; đủ giáo trình, tài liệu, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ học tập cho sinh viên. Phối hợp, kết nối chặt chẽ với các cơ quan và nhà tuyển dụng để xây dựng cơ sở thực hành, thực tập, nghiên cứu và tuyển dụng người học.

6.2. Cam kết thực hiện chuẩn đầu ra

Học viện Phụ nữ Việt Nam cam kết tổ chức đào tạo và đánh giá khách quan kết quả học tập, rèn luyện của học viên theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện Phụ nữ Việt Nam./.

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Trần Quang Tiến

PHỤ LỤC: MA TRẬN ĐÓNG GÓP CỦA CÁC HỌC PHẦN VÀO MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH LUẬT

(Kèm theo Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo ngành Luật)

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra												
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	NN1	IT1
1.	Triết học Mác - Lênin	2			1						2			
2.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2			1						2			
3.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2			1						2			
4.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2			1						2			
5.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			1						2			
6.	Giới trong chính sách công			2								1		
7.	Phương pháp nghiên cứu pháp luật			2								1		
8.	Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo			1								2		
9.	Tin học đại cương											2		3
10.	Lý luận chung về nhà nước và pháp luật	2	3		1						2			
11.	Luật hiến pháp	2	3		1						2			
12.	Luật hành chính	2	3			1					2			
13.	Luật dân sự	2	3			1					2			
14.	Tâm lý học pháp luật			1								1		
15.	Xã hội học pháp luật			1								1		

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra												
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	NN1	IT1
16.	Lịch sử nhà nước và pháp luật thế giới		1									1		
17.	Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam		1									1		
18.	Luật so sánh		1									1		
19.	Logic học đại cương			1								1		
20.	Luật tố tụng hành chính		2			2						1		
21.	Luật hình sự		3			2						2		
22.	Luật tố tụng hình sự		2			2						2		
23.	Luật tố tụng dân sự		2			2						2		
24.	Luật doanh nghiệp		2				2					2		
25.	Luật thương mại		2				2					2		
26.	Pháp luật tài chính		2				2					2		
27.	Luật lao động		2				2					2		
28.	Luật đất đai		2				2					2		
29.	Xây dựng văn bản pháp luật						3					1		1
30.	Pháp luật về bình đẳng giới			3				2				2		
31.	Luật hôn nhân và gia đình		2			2						2		
32.	Công pháp quốc tế		2			2						2		
33.	Tư pháp quốc tế		2			2						2		
34.	Pháp luật về công chứng và chứng thực			3			2					1		

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra												
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	NN1	IT1
35.	Pháp luật thanh tra, khiếu nại, tố cáo			3		2						1		
36.	Quản lý hành chính trong một số lĩnh vực			3		2						1		
37.	Quản lý nhà nước về hộ tịch			3		2						1		
38.	Trách nhiệm hành chính và cưỡng chế hành chính			3		2						1		
39.	Thực hành chuyên ngành pháp luật hành chính							3	2			1		
40.	Luật thi hành án dân sự			3					2			1		
41.	Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng			3					2			1		
42.	Pháp luật về hợp đồng			3					2			1		
43.	Pháp luật về giao dịch bảo đảm			3					2			1		
44.	Thủ tục giải quyết việc dân sự			3					2			1		
45.	Thực hành chuyên ngành pháp luật dân sự							3	2			1		
46.	Pháp luật về giám sát và phản biện xã hội			1				3				1		
47.	Pháp luật về quyền trẻ em			1				3				1		
48.	Pháp luật về phòng chống bạo lực			1				3				1		

STT	Tên học phần	Bộ chuẩn đầu ra												
		KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TC1	TC2	NN1	IT1
	gia đình													
49.	Pháp luật về phòng chống buôn bán người			1						2		1		
50.	Pháp luật về công chức, công vụ			1						2		1		
51.	Pháp luật môi trường			1						2		1		
52.	Pháp luật về sở hữu trí tuệ			1						2		1		
53.	Pháp luật an sinh xã hội			1						2		1		
54.	Soạn thảo văn bản hành chính								2	2				1
55.	Kỹ năng tư vấn pháp luật			1					2	3				
56.	Kỹ năng giải quyết các tranh chấp dân sự			1					2	3				
57.	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực hôn nhân gia đình			1					2	3				
58.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng			1					2	3				
59.	Kỹ năng giải quyết các vụ, việc hành chính			1					2	3				
60.	Kỹ năng giải quyết các vụ án hình sự			1					2	3				
61.	Kỹ năng tổ chức công sở			1					2	3				
62.	Thực tập tốt nghiệp						3			3		3		1
63.	Khóa luận tốt nghiệp			3						3		3		1